

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/LĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v tranh chấp “Tiền lương”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Rạt – Cán bộ Hưu trí (Nguyên Phó Phòng Lao động TBXH huyện Đức Hòa;

2. Bà Trần Thị Đồi - Cán bộ Hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp tiền lương”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2019/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Kim Q, sinh năm 1962. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C167 khu nhà ở T, Lê Thị R, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần M (gọi tắt: Công ty H)

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (xin vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: khu vực 1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Kim Q trình bày:

Bà Võ Kim Q làm việc cho công ty H từ tháng 11/1991 đến tháng 7/2017 thì bà xin nghỉ việc vì lý do sức khỏe. Công ty H ban hành Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động số 38/QĐ-MĐHH-HCTC ngày 13/7/2017. Tại bản án số 11/2018/LĐ-ST ngày 22/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tuyên buộc công ty H trả cho bà số tiền trợ cấp thôi việc, tiền lương tháng 01, 02/2016, tiền bảo hiểm xã hội (do bà Q nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thay) tổng cộng là 54.034.783 đồng nhưng bản án chưa giải quyết đối với tiền lương chờ việc mà công ty H chưa thanh toán cho bà (do bà chưa có yêu cầu). Nay bà khởi kiện yêu cầu công ty H thanh toán cho bà tiền lương chờ việc từ tháng 6/2016 đến 13/7/2017 (12,5tháng x 2.791.337 đồng/tháng) là 34.892.162 đồng.

Ngoài ra, bà Q không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn do ông K là người đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai của Tòa án có trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền lương chờ việc là 34.892.162 đồng. Số tiền này được lấy từ tiền bán tài sản của công ty Cổ phần M để trả cho nguyên đơn chứ không lấy tiền của cá nhân ông K.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến khi xét xử: Thẩm phán, Thư ký và người tiến hành tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, trong đó người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung: Nguyên đơn là bà Q khởi kiện yêu cầu công ty M phải trả số tiền lương chờ việc từ tháng 6/2016 đến 13/7/2017, đại diện bị đơn cũng đồng ý trả số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Kim Q là người lao động trong công ty M, chấm dứt lao động tại công ty theo Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động số 38/QĐ-MĐHH-HCTC ngày 13/7/2017, nhưng thời gian từ tháng 6/2016 đến 13/7/2017 bà vẫn còn là công nhân công ty nhưng công ty chưa thanh toán tiền lương chờ việc cho bà. Nay bà Q khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán lại cho bà số tiền lương chờ việc. Bị đơn có

địa chỉ trụ sở tại thị trấn H, huyện Đ nên căn cứ vào Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về đòi tiền lương chờ việc, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Bà Võ Kim Q và Công ty H do ông Kumar Aruna Chalam Mohan đại diện theo pháp luật vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09/5/2019 thì nguyên đơn bà Q yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty H trả tiền lương chờ việc còn nợ là 34.892.162 đồng. Bị đơn Công ty H không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để xét xử vụ án.

[5] Theo Quyết định số 347/QĐ-MĐHH-HCTC ngày 31 tháng 12 năm 2010; và Bảng lương tháng 5/2016 thì có căn cứ xác định giữa Công ty H với bà Võ Kim Q có giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động không xác định thời hạn; việc xác lập hợp đồng lao động theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 16, 23 và 25 của Bộ luật lao động năm 2012, nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh về quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

[6] Theo trình bày của nguyên đơn bà Võ Kim Q, ông bắt đầu vào làm việc tại công ty từ năm 2010 cho đến tháng 7/2016. Dù 7/2016, công ty ngưng hoạt động nhưng ông làm việc tại trung tâm mía Gò Ngãi nên vẫn còn đi làm cho đến hết tháng 7/2016 thì mới ngưng chờ việc. Trong quá trình làm việc công ty thanh toán lương cho ông tiền lương tháng 3/2016 đến tháng 6/2016, nhưng vào giai đoạn vào 01, 02, 07/2016 công ty gặp khó khăn trong kinh doanh nên chưa thanh toán tiền lương cho ông là vi phạm nguyên tắc trả lương theo qui định tại Điều 96 Bộ luật lao động. Căn cứ vào bảng lương tháng 05/2016 thì mức lương của bà Q là 4.030.000 đồng/ tháng. Do bị đơn không có lời trình bày nên căn cứ vào lời trình bày của bà Q thì số tiền lương mà bà Q yêu cầu công ty thanh toán cho ông là 4.543.100 đồng (cụ thể tháng 01/2016: 1.241.800 đồng; tháng 02/2016: 2.729.400 đồng; tháng 07/2016: 571.900) đồng thấp hơn mức lương thực tế là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ và phù hợp.

[7] Từ tháng 7/2016, Công ty ngưng hoạt động nhưng không có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Q mà kéo dài thời gian cho đến nay nên xem như vẫn còn là người lao động của công ty và phải được trả lương theo quy định. Ngoài ra, căn cứ Biên bản kê biên, xử lý tài sản do Cục thi hành án

dân sự tỉnh Long An lập ngày 14/7/2017 thì xác định Công ty cổ phần M chính thức ngưng hoạt động kể từ ngày 14/7/2017 nên bà Q yêu cầu tính lương ngừng việc từ tháng 8/2016 đến tháng 6/2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 98 của Bộ luật lao động.

Mức lương chờ việc mà bà Q yêu cầu căn cứ theo mức lương chờ việc thỏa thuận với công ty là khoảng 70% lương chính thức, cụ thể $70\% \times 4.030.000 \text{ đồng} = 2.821.000 \text{ đồng/tháng}$, tổng số tiền lương chờ việc là $11 \text{ tháng} \times 2.821.000 \text{ đồng} = 31.031.000 \text{ đồng}$. Xét thấy, mức lương chờ việc bà Q yêu cầu công ty trả thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2015 là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ và phù hợp.

[8] Bà Q không yêu cầu Công ty H trả tiền lãi chậm trả lương theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật lao động năm 2012 là hoàn toàn tự nguyện nên Công ty H không trả thêm những khoản tiền trên.

[8] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định Công ty H phải có nghĩa vụ trả tiền lương còn nợ cho bà Q là **35.574.100 đồng**. Cho nên yêu cầu khởi kiện của bà Q là có cơ sở chấp nhận. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là căn cứ pháp luật.

[9] Về án phí sơ thẩm: Công ty H phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 32, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, 96, 98, 201, 202 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim Q về việc “tranh chấp hợp đồng lao động” đối với Công ty Cổ phần M.

Buộc Công ty Cổ phần M trả tiền lương còn nợ cho bà Võ Kim Q là 35.574.100 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng

tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần M phải nộp 1.778.705 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hải An